



QUAN ÂM TÂM KINH BÍ GIẢI

Kinh này để hiển cho đồng chí
Tu thừa bậc tối thượng nhưt thừa

LỜI GIẢI BÀY
NGỌC SƠN LÃO NHƠN

---oOo---

QUAN ÂM TÂM KINH BÍ GIẢI

---oOo---

NGUYÊN TỰ

Từ xưa đến nay chư phật chư tiên chư thánh đều lấy lòng từ-bi độ người mà lập công-đức, lấy sự qui giới háo-học mà hành trì, lấy sự quyết phá phàm-tình chẳng đả hòng-trần làm thượng trí, lấy sự phông cầu chơn sự chỉ phép tu tâm dưỡng tánh làm đắc đạo, lấy sự thanh tâm quả dục (sạch tác lòng, ít tình dục) luyện kỹ trúc cơ làm hạ thủ, lấy phép thể thủ tiên thiên nhưt khí, chơn dương thượng thăng làm đắc dược (đặng thuốc kim đơn), lấy sự kiên khôn giao cấu, thủy hỏa ký tế làm phan luyện (nấu luyện), lấy kim mộc bình phân (mỗi món 8 lượng gọi là bình phân) làm ôn dưỡng (nuôi nấng), lấy diên càn hồng tận (thủy ngân khô châu sa ráo) suốt đủ châu thiên làm thối phù, lấy sự cần tu bất đãi (siêng trau chẳng trễ), lâu xa lòng mình làm khổ hạnh, lấy sự đơn thực hườn nguyên (kim đơn chín, trở lại gốc xưa) luyện kết kim-thân làm thành đạo, lấy sự tích công lũy đức (lập âm chất chờ chiếu son trên Thiên-đỉnh triệu về làm chứng quả, lấy sự yết kiến chư phật mà thọ chức, cùng cứu vớt tổ-tông làm đại hiếu, lấy lòng lo cho Trời-đất, ích lợi cho chúng sanh làm tận trung, lấy sự tâm thình cảm ứng mà cứu khổ cứu nạn làm phương tiện, lấy sự chiêm ngưỡng của nhơn-thiên (dân Trời) trong ngoài ba cõi làm tôn vinh, lấy cái dịp phó hội Bàn-đào cùng liệt vị thượng thừa làm hiển diệu, lấy cái pháp luân thường chuyển (cái bánh xe pháp thường

xoay) để độ tận chúng sanh làm liễu nguyện (mãn nguyện).

Vả lại hết thảy chư-phật thiên-tôn đều là người phạm thành đạo. Những bậc trí-sĩ minh-hiền sao chẳng cúi đầu mà suy xét cho đáo để điều ấy? Huống chi trong cuộc sanh tử luân hồi, kể chẳng xiết điều thâm-lương khổ-sở, cải đầu hoán diện (sửa đầu người đôi mặt thú) đâu cần luận đến sự phú quý vương hầu, âm luật sum nghiêm, thưởng phạt vô tư, (thưởng phạt chẳng vì vua chúa cũng chẳng dễ nghèo hèn), lành siêu dữ đọa, xưa nay vẫn là vậy đó.

Người khôn phải biết hồi đầu cho sớm, dựng tu cho ra khỏi tam giới, cho đến thời kỳ liễu thủ là lúc công thành, thì khỏi bị nhốt trong ngũ hành, lại được tiêu diêu nơi vật ngoại, ngao du trong thiên-phủ. Dầu đại kiếp có xảy đến, là khi Trời tan Đất rã, ta cũng chẳng lo chẳng sợ chi.

Hễ kiếm tìm xa rộng ra thì thấy rằng Phật Quan-Âm bỏ-tát vốn là Tiên nữ Châu Triều (triều nhà Châu) là một vị cô phật lâm phạm. Nhân khi thành đạo rồi, phật bà có lời nguyện rộng sâu, mới ở lại trần Nam-thiệm bộ-châu, dựng thuyết pháp mà độ người, lưu truyền quyển Tâm-kinh này là cốt tủy của các thứ kinh, là chiếc từ-hàng (thuyền lành) để độ đời.

Nhưng tiếc thay! Từ xưa đến nay, nhiều kẻ tu hành cứ lo tụng niệm, ít người biết cái khiêu của kinh này dựng mà làm theo.

Ta có nghe nơi thầy ta là Thôi-An phu tử nên hiểu rõ cái tánh cùng thiên đạo. Đến khi xem kinh này thì thấy mỗi mỗi đều có ẩn chứng, không có chỗ nào không hiệp, nên ta chẳng vì sự cô-lậu mà chú giải cái tiết thứ của kinh này,

để làm cây kim chỉ-nam cho đơn-đạo. Ai có phật căn chường tử, thì tự mình phát nguyện bỏ đề, do theo lời chú giải này mà tỉnh ngộ (thấy rõ) cái nhơn thân là giả vật. Tỉnh ngộ rồi thì tìm thầy chỉ điểm tánh mạng căn nguyên cho mà tu luyện, kết đặng kim-đơn xá-lợi, chứng quả Vô-dư Niết-bàn, thiết là chỗ hậu vọng của ta vậy.

Triều Đại-thanh, vua Gia-Khánh, năm thứ 9, (Giáp-tý) trong thu ngoạt (tháng 8) ký vọng (qua rằm rồi).

Ông Ngọc-sơn lão nhơn

Làm bài tựa này trong quán Dục-tài,
Ở đất Hàng-châu, núi Tử-dương.

TIÊU DẪN

Nhân quyền Thiệt-hành tam-ngũ ra đời, tôi có được luận đến việc tu đơn. Anh em đồng đạo nhiều người vì không lấy chi phân biệt chơn ngay, nên tôi phải phiên dịch quyền Quan-Âm tâm-kinh bí giải để nêu chứng cứ.

Nhiều người tu tưởng tụng kinh mà thành phật. Nay tôi học kinh, như xem đèn lờ bí-giải của ông Ngọc-sơn lão nhơn là người tu thành đạo, thì thấy rõ ràng kinh này cũng như các đơn kinh khác đều nói muốn thành tiên tác phật tức phải tu đơn.

Vậy anh em đồng chí muốn tu đơn cần phải xem nhiều thứ đơn kinh ⁽¹⁾ tìm cho hiểu rõ ràng đạo lý rồi cầu chơn sư chỉ minh đại đạo, cho biết chùng nào hườn hư luyện kỹ mà đắc pháp, chùng nào dương sanh dục sản mà thể thủ phan luyện, chùng nào chơn dương thượng thăng mà tấn hỏa thối phù, chùng nào kim mộc bình phân mà ôn-dưỡng mộc-dục, chùng nào là thời-kỳ hành đại-châu thiên mà hườn đại kim đơn, chùng nào là thời-kỳ thoát thai thần hóa mà đại định, chùng nào là thời-kỳ đại chiếu phi thăng mà châu chư thiên.

Đọc kinh cũng như đọc sách, phải đọc đi đọc lại, dầu đến trên trăm lần mà chưa hiểu, cũng phải đọc hoài, đến chùng thấu lý mới thôi. Phép đọc kinh phải suy nghĩ từ câu từ chữ. Tiên phật hay dùng dụ-ngôn ẩn-ngữ, nhưng chẳng nói lời nào vô ích cả. Anh em đọc kinh như vậy mà học đạo, thì chắc có ngày thành tựu. Người nhập thất tu đơn cũng như tên học-sanh vào trường thi. Trước khi vào trường thi, tên học-sanh phải bắt lăm quần thơ, mới có thể

làm bài vở được, mới có thể đối đáp xong. Trước khi nhập thất người muốn tu đơn cũng phải bắt lăm đơn kinh, hoặc phải có khẩu truyền tâm thọ, nhiên hậu tu đơn mới chắc thành công. Nếu manh tu hạt luyện (tu như đũa đui, luyện như thừng mù) thì luống công vô ích.

Sau này về việc mẫu nhiệm của Quan-Âm tâm kinh, tôi khỏi tán dương (tôi chẳng cần khen), vì anh em đồng đạo ai cũng chán rõ là kinh tối thượng nhưt thừa. Chư phật đều nhờ đó mà minh tâm kiến tánh, cũng như chư tiên nhờ kinh Tham-đồng-khê mà tu tâm luyện tánh, cũng như chư thánh nhờ Châu-dịch-kinh mà tồn tâm dưỡng tánh vậy. Thế thì Tâm-kinh cũng là cốt-tủy của phật thơ, cũng như Tham-đồng-khê là cốt tủy của đạo thơ, cũng như Châu-dịch-kinh là cốt tủy của Thánh-thơ vậy.

Bentré, le 30 Juin 1930

Thiện-Pháp cư-sĩ

Mộc thủ kinh dịch

⁽¹⁾Xin coi các thứ đơn-kinh kê trong cái mục lục của bài Đạo-lý trực luận sau này.

ĐẠO LÝ TRỰC LUẬN

---oOo---

Tôi luận bài dưới đây chẳng phải cố ý kích bác chi việc người mà khen việc mình. Ý tôi muốn lấy lời mình chánh mà luận việc tu hành trong lúc này, cho những người háo-thiện dòm xem: nhứt là mấy người muốn tu bậc tối-thượng nhứt thừa đặng mà thành tiên thành phật hiển-hiện tại thế-gian này.

Nếu ai coi bài tôi luận, tưởng rằng có lý thì nương theo đó để tìm đàng chánh (Chánh-Đạo) mà vào cửa Đạo; bằng ai gọi là phi-lý thì bỏ qua tự ý. Tôi chẳng dám ép ai phải nghe lời tôi, hoặc phải tin lời tôi luận mà làm theo.

Cái Đạo tôi tìm đây chẳng có lạ chi: vì bấy lâu cửa Thiên-Đình bế lại, nên khiến “đạo thơ” ít ai khảo cứu; cứ bỏ dưới đáy tủ của các chùa; vì mấy ông tu còn ở bậc hạ-thừa, cứ lấy bậc hạ-thừa mà dạy chúng-sanh, nên không thấy từ ấy những nay mà thành Tiên thành Phật.

Một điều này rất tẻ là: mấy ông đạo ăn-lạt gọi mình rằng tu, không cho kẻ thế-gian coi đơn kinh; cứ nói người ăn mặn không nên coi kinh tối-thượng. Ấy là cố ý sợ người thế thấy chỗ bí-mật mà người tu không làm được rồi vắn nạn. Hoặc là lòng tư kỷ, sợ người có căn cao hành đạo, rồi hơn mấy ông chẳng. Nên cửa đạo bế lại là tại vậy đó.

Tôi ra công tìm kiếm, tới ngày nay là gần hai mươi năm, hết sức cực nhọc mới đọc đặng đạo thơ. Và tôi ráng sức học chữ Hán đặng coi đơn-kinh mà khảo cứu cho rõ việc tu hành. Tôi thiệt thấy rõ ràng trong các sách của “tiên

bồi” để dạy bậc tối-thượng, đặng kẻ hậu-lai coi đó mà làm tiên làm phật chẳng sai. Không có một mảy nói huyền hoặc, thiệt rất chí lý. Chớ chẳng phải lập chùa, ăn chay, tụng kinh, lạy Phật mà về Thiên-Đàng đặng. Duy có biết lọc cái linh-hồn và luyện cái xác phàm của mình, (tánh mạng song tu) rồi ngoài thân ta có một thân riêng rất nên trong sạch. Thân ấy là Tiên, là Phật đó. Phật gọi “xá-lợi thành hình, xuất thai thân vi Phật tử” Tiên gọi là “Xuất dương-thân”. (périsprit).

Muốn lọc cái linh hồn cho trong sạch; trước hết phải dừng cho nhiễm sự quấy; hay là đã nhiễm sự quấy rồi thì mình phải gắng sức ăn-năn chừa lỗi, linh hồn lần lần mới trong sạch. Sau lo luyện kỹ (Luyện kỹ nghĩa là muôn việc đều bỏ hết). Tập hườn-hư (hườn-hư là lục-căn bế lại) cho đến chừng hư cực linh cốc chi thời (calme-absolu).

Trong lúc này nếu gặp chơn-sư truyền chỉ phép luyện cái “huệ mạng” của mình thì mới có ngũ sắc tường vân, đặng hiệp với khí tiên-thiên của Trời thì về Thiên-đàng mới đặng (Ngũ sắc tường vân là Tiên-thiên khí). Bằng chẳng làm như vậy, dầu có tọa thiền tu một mình cái linh-hồn sau xuất âm-thần thì làm âm-linh chi quỷ, chớ không ra khỏi vòng luân hồi đặng.

Ngũ sắc tường vân đó bởi cái chơn tinh con người mà luyện ra. Dùng phép hóa-học mà luyện ra tiên-thiên khí vô hình. Tỷ như đặc rượu mà lấy hơi vậy. Nên Phật gọi là “Cam-lò-thủy”. Tiên gọi là “Quỳnh tương-tửu” hay là rượu “đề-hồ”.

Thân con người nhờ vật thực, nhứt là loài ngũ cốc hóa ra huyết, huyết lại hóa ra tinh, gồm sự quý báu mà nuôi cái

xác phàm này. Vật ấy là thuốc trường-sanh cho nên con người tinh còn thì sống, tinh kiệt thì chết.

Người phàm bởi chỗ nhơn-dục chưa nhàm, cứ lo tranh danh đoạt lợi, kiếm chước này mưu kia cho đặng sung sướng cái **thân tạm** này, mà chẳng biết cái thân tạm ấy không bao lâu hao mòn tam bửu (tinh, khí, thần), thì hồn phải lìa xác đó. Cũng như cây đèn cháy lụn, hết dầu phải tắt tự nhiên. Ngươn-thần, ngươn-khí, ngươn-tinh tán ra hồng-trần cho tận tuyệt, rồi linh-hồn lìa xác. Ba vật ấy là sự quý báu của con người, ngày nay rõ mỗi đạo rồi, thì phải làm sao mà cướp lại ba vật ấy của trời đất, đặng cho thân mình đầy đủ tam bửu như hồi còn nhỏ, thì là lý trường-sanh của đạo. Vậy mới gọi người đồng đứng trong Tam-Tài: Thiên, Địa, Nhơn.

Việc tu hành làm tiên phật có ấn chứng, tại nhãn tiền, chớ chẳng phải nói rằng người tu chết rồi mới được về Thiên-Đàng. Nói vậy là nói huyền. Lấy đâu mà làm bằng cứ. Nhiều người tu thác rồi, nào có thấy ai trở về mách bảo nói rằng lên được chôn thiên đàng đâu. Kẻ nào nói thác rồi mới về Thiên-đàng ấy là kẻ nói gạt gẫm cho kẻ khác lầm. Bởi Đạo lý cao xa, không hiểu thấu, nên gắng-gượng làm việc cầu may, thọ nhơn tước với nhau mà tranh cao tranh thấp. Người tu mà luyện không trúng cách-thức của tiên phật dạy rõ ràng trong các đơn kinh, lại nói rằng chết rồi hồn trở nên tiên phật, thì người ấy cũng như xướng-nhi trên hí-đài (sân khấu) tự xưng là Hồn-cao-Tổ, Sở-bá-Vương, Quan-công-Hầu vậy. Làm sao cho đặng **thọ thiên tước**, vậy mới chắc thành chánh-quả.

Thiên-tước có năm bậc, bởi chỗ công quả tu hành nhiều ít, tùy theo đó mà chứng quả: 1 Nhơn-tiên, 2 Địa-tiên, 3 Thần-tiên, 4 Thiên-tiên, 5 Đại-giác kim-tiên (là phật). Năm bậc này tu dương-thần, mới có ngũ sắc tường vân. Ba bậc trên, là kim-tiên, thiên-tiên và thần-tiên thì được phi đăng; còn nhơn-tiên và địa-tiên bởi hình thể còn trọng-trục nên xuất dương thần chưa đặng. Nếu hai bậc này giữ được thần khí không hao mòn, thì được ích thọ diên niên trường-sanh vô bệnh; bằng giữ chẳng đặng bị thần trì khí tán, thì cũng phải chết như kẻ thường nhơn vậy.

Người phàm ai ai cũng con Trời, nếu hồi đầu hướng thượng, nghịch chuyển, thì làm tiên làm phật đặng. Còn cứ đi thuận hoài thì sanh nhơn sanh vật. Ấy là cơ tạo hóa đổi xây thánh ra phàm, phàm ra thánh là vậy đó.

Đạo không dấu ai. Miễn có lòng ăn-năn theo đảng thiên-ly, bỏ đường nhơn-dục, đi nghịch thì mới về cõi tiên cõi phật đặng.

Cuộc đời như giấc mộng, như một đêm tại hí-đài-thượng. Mỗi người đều có một vai tuồng. Mãn vai tuồng rồi thì cởi lột, qua đêm khác làm vai tuồng khác. Cứ vậy làm hoài. Ngàn sanh muôn kiếp ra không khỏi “trần luân” này (circle des générations). Gây tạo tiền khiên, trở lại đặng trả quả cho nhau (le karma ou loi de la causalité). Nếu ai biết hồi đầu hướng thượng, quyết chí lo ra cho khỏi khí hậu-thiên này, thì phải **tu âm chất** cho đầy đủ, cảm động thiên-tâm, thời có ngày gặp đặng chơn sư chỉ điểm cách tu cái “huệ-mạng” đặng tạo khí tiên-thiên thì về trời có khó chi. Ấy là lý làm tiên làm phật vậy. Chớ

chẳng phải nói tụng kinh, ăn chay, lạy phật, cất chùa, mà phật độ về thiên-đàng đặng. Vì đức lục-tổ Huệ-Năng có nói rằng: “Đản y thử tu, giữ ngô đồng xứ vô biệt, bất tác thử tu, thí phát xuất gia ư Đạo, hà ích?”. Nghĩa là các người phải tu luyện như cách tu của ta, thì sẽ đặng thành phật mà về một chỗ với ta, bằng chẳng tu luyện cách ấy, có cạo đầu vô chùa, nào có ích chi?

Trời muốn cho mỗi người hành đạo, đặng có về chốn thiên-đàng là nơi thắng cảnh, hưởng phước tiêu diêu. Tại người phạm không rõ cái máy thiên-cơ trong mình, đặng học huệ-mạng của mình, nên về thiên đàng không đặng.

Nay là lúc Đại-Đạo phục hưng, ai có phước lớn thì gặp minh-sư chỉ truyền tâm-pháp mà tu luyện dương-thần; còn ai thiếu phước bị manh-sư thì phải té vào bàng môn dối giả. Mất dịp này rất uổng cho thân sanh ta một thuở, mà ngàn thuở chưa biết có tái lại đặng chăng? Bởi có lời giảng cơ của ông Huệ-Quang Đại-Đế nói như vậy:

HUỆ phát Tam-Kỳ đạo dĩ khai
 QUANG minh tứ hướng thượng tam tài
 ĐẠI phước kim-đơn thân đắc ngộ
 ĐẾ quân giáng hạ như vô tai.

Vô tai khả tảo lu,
 Diên-trì thất công phu,
 Chư nhu hành chánh Đạo,
 Thượng thừa chi ngao-du.

Ngao-du tứ hải lạc Hi-Di,

Thiện chí tu tâm phước hữu kỳ.
 Luyện đạo, luyện đơn, duyên hồng luyện,
 Chơn tâm, chơn tánh đắc từ bi.

Từ bi chỉ giáo nể minh tâm,
 Tường thức chơn cơ, vật ngoại tầm,
 Tâm chánh liên-hoa thân tảo ngộ,
 Hữu căn phùng diệu cổ lai tâm.

Lại ông Tào-quốc-Cự cũng có cho hai bài dưới đây:

Nhứt dạ công phu, nhứt dạ hành,
 Kim-đơn tảo vản luyện nhi phanh.
 Nhứt liệp minh châu tùy thời ngộ,
 Càn khôn thủy hỏa hữu thời thanh,
 Đạo lý dĩ minh nể khả tàng (tường).
 Xuất thân luyện Đạo phước nhàn an,
 Diên-trì hậu nhứt hà tu hồi?
 Ngộ chơn tảo tảo luyện thanh càn.

Tôi coi đơn-kinh thấy lý đạo như lời tôi tỏ bày trên đó, nên mới dám khuyên chư tôn ráng sức tìm những đơn-kinh dạy làm bậc tối thượng nhưt thừa, xem lấy thì cũng như tôi vậy. Các thứ đơn kinh kể ra sau đây:

Kim-tiên chứng luận,
 Tiên Phật hiệp tông,
 Thiên-tiên chánh lý,
 Huệ mạng kinh,
 Tiêu-dương kinh,
 Huệ-nghiêm kinh,

Trực-chỉ huyền châu,
 Đạo thơ thập nhị chương,
 Lục-tổ bửu đàn kinh,
 Tánh mạng khuê chỉ,
 Quan-âm bí giải, (dịch rồi)
 Xiển pháp chơn ngôn,
 Huyền vì tâm-ấn kinh,
 Suất tánh xiềng vi,
 Xích thủy ngân,
 Lãng-nghiêm kinh,
 Huyền-diệu-cảnh, (dịch rồi)
 Ngộ tánh cùng nguyên,
 Kim-cang kinh, Chơn giải (dịch rồi)
 Ngộ chơn thiên
 Tham đồng khế,
 Dưỡng-chơn,
 Vô căn thọ, Tư huê đề,
 Chánh đạo linh chơn kim-đơn ngoại cảnh,
 Chánh đạo linh chơn kim-đơn nội cảnh,
 Thiên tiên chánh lý độc pháp điềm tình,
 Thái-Thượng thập tam kinh,
 Lữ-Tổ toàn thơ.

Ấy là mấy thứ kinh tôi đã thấy, chớ còn kinh chi cao nữa thì chưa thấy; nếu ai có tìm đặng kinh cao hơn nữa, xin tỏ bày cho bọn tôi xem, đặng minh đạo lý, thì sự ấy rất dày âm chất đó.

Mấy tạng kinh nói trên đó chỉ phép tu luyện, có họa đồ, có **hỏa hậu**. Song lẽ coi kinh phải suy xét cho nhiều, vì

nhiều lời Tiên Phật hay nói ẩn, đợi kẻ đại căn đạt lấy mà thông sự lý. Cũng như Đại-học Trung-dung của Nho làm ra, nói nhơn-đạo mà thiên đạo ẩn ở trong đó. Những lời huyền-diệu của đức Không-Tử di ngôn cho các môn-đồ của ngài đều ở trong hai sách ấy. Qua đến đời ông Mạnh-tử thì đạo bế lại, không có người ra gánh mối đạo nổi, đặng làm bậc tối-thượng mà siêu phàm nhập Thánh.

Lúc này là buổi Tiên Thánh lâm phạm mà độ nguyên nhơn. Còn dò bát-nhã (là dò Phật để độ chúng sanh qua biển khổ) đã lộ ra ba bốn năm rồi đợi tiếp dẫn những người thiện duyên. Nếu ai tới bến dò sớm, thì có người tiếp rước liền, chẳng luận sang hèn quyền quý hay là hạ tiện, trọng kẻ đạo đức cao dày mà thôi. Vậy nếu ai có chí tu hành, hoặc có đại căn phải lo tu luyện cho sớm, chớ để đại tai đến thì ngọc đá khó phân. Vì có hai bài của Đông Phương Sóc xuống cơ như vậy, trong năm 1923 tháng aout:

Đông, Tây, Nam Bắc nhập Trung-ương
 Hắc, xích, thanh, huỳnh, bạch hỏa xương.
 Thiên địa đảo điên, nhơn vật hoại,
 Càn khôn chuyển động, chúng dân ương.
 Tu tâm tĩnh chí phân tam khí,
 Luyện tánh minh tinh hiển tứ phương.
 Thoát tục ly tai, thân vĩnh lạc,
 Bất tri cơ chánh, bất an khương.

Hữu hạnh chư-nhu ngộ đạo huyền,
 Phật Tiên chỉ dẫn luyện tiên-thiên.

Bát nhã linh-thoàn kim di lộ,

Hà do bất học, hựu thiên-diên?

Đời này nhiều sự tai biến lắm, nên phải gấp gấp tu hành Chánh Đạo. Song lẽ phải có chơn-sư chỉ cách thức tu luyện huệ-mạng mới đặng. Đừng để cho manh-sư (thầy mù) dắt vào hang sâu vực thẳm mà chôn lấp kẻ thiện tín vô số, thì rất uổng công chúng ta ngày nay gặp dịp tốt, là lúc Đại-Đạo phục hưng, mà mình nắm mỗi đạo không đặng. Người tu hành chẳng nên lấy sự quả vị cao thăng mà gọi mình tu. Phẩm vị là bề ngoài của nhơn-đạo, hay lo đua tranh cho thiên hạ từng phục đó mà thôi. Người tu bậc tối thượng phải ly gia cắt ái, xa lánh chốn thị thiên, thanh tâm quả dục, đoạn thất tình, chẳng nên lo việc nước việc nhà, chẳng nên làm đoàn-thể gọi rằng diu dắt độ người. Phải tìm nơi thanh-tịnh đặng **tịnh dưỡng** cái linh hồn; thì một ít lâu máy **thiên-cơ** mới **phát-động**. Mau thì bảy ngày, lâu thì mười bốn bữa. Nhơn dục tịnh tận, thiên lý lưu hành. Trong lúc đó mới rõ nguồn Tiên nẻo Phật mở khai; song lẽ phải có chơn-sư chỉ phép tắc lấy thuốc trường sanh (kim đơn) mới đặng. Nếu không gặp chơn-sư thì ráng xem xét đơn kinh cho chí lý, làm y cách thức dạy trong các sách ấy, thì cũng trôm-trèm như là có chơn-sư chỉ bày. Lần lần phát minh theo cũng kịp đặng. Vì đơn thơ một cuốn chỉ lộ ra một đoạn, chớ một cuốn không nói cho cùng lý. Cách thức hỏa-hậu phải coi nhiều cuốn mà ráp lại mới thành y theo hỏa hậu của Tiên Phật. Noi theo đó mà luyện thì chắc được thành Tiên thành Phật.

Kinh điển tuy đặt ra cho nhiều, là cố ý mở tâm con người cho hiểu xa rộng thấy, chớ lý đạo chẳng ra khỏi *âm*

duyơng nhị khí: một cái thanh một cái trọc mà thôi. Biết cách khử trọc lưu thanh, thì mình khinh phù, còn không rõ lý dinh hư tiêu trưởng, để cho hết thanh rồi tồn trọc, thì ngưng lại chìm xuống lóng cặn, thì phải ở trong vòng hậu thiên mà thôi.

Nếu không rõ cách vận chuyển âm duyơng, nếu không biết cách lọc thanh bỏ trọc, dầu Đạo nào có xưng là chánh cũng không thể chi mà về Thiên-Đàng đặng. Bất quá nói huyễn dụ chúng gạt người theo cho đông đặng cầu danh cầu lợi mà thôi.

Biết cái máy thiên-cơ này, dầu theo đạo nào làm cũng đặng. Chỗ về đàng cả làm theo lẽ tự-nhiên, không can phạm chi đến điều-luật riêng của các mỗi Đạo. Cho nên đức Thái-Thượng đạo Tiên, luyện cái máy này và về Tiên Bang, đức Thích-Ca đạo Phật luyện cái máy này mà đến Niết-Bàn, đức Khổng-Thánh luyện cái máy này mà siêu phàm nhập thánh, đức Jesu luyện cái máy này mà bạch nhựt thăng Thiên. Các vị Tiên, Phật, Thánh khác cũng nhờ luyện cái máy này mà về cõi Tiên cõi Phật cõi Thánh. Việc phàm trần cũng lấy lý đạo mà bày ra. Chẳng luận là máy chi cũng phải dùng âm duyơng thủy hỏa và ngũ hành mà chế tạo.

Tôi đây chẳng ưa danh mến lợi, song ở phàm trần ai cũng phải lo một đoạn hồng trần. Vì có cha mẹ vợ con nên trước phải lo cho tròn chữ hiếu chữ nghĩa, kế phải lo cho nhơn quần xã hội, rồi mới lần qua Thiên-đạo được. Lòng quyết chí lo nhơn đạo cho xong. Cố ý liêu cái thân phàm này, ra công gắng sức làm Đạo cho rõ ràng, đặng kẻ đồng chí biết làm Tiên làm Phật có ấn chứng mà noi theo.

Song nhơn-đạo còn ràng buộc, bức rức trong lòng muốn đi cho gấp mà chưa đặng. Bởi tôi thấy kẻ tu hành làm *huyền*, nên gia công gắng sức tìm cho ra mỗi Đạo, mới thấy sự mầu nhiệm của Trời. Chớ chẳng phải làm việc cầu may nói xàm đặng khoe danh với thiên-hạ. Cũng chẳng phải điên mà đòi liều cái thân phàm nầy. Cũng chẳng phải dại, đến bỏ cái mồi mà theo cái bóng (lâcher la proie pour l'ombre).

Chư tôn ráng nghiệm cho rõ, vì lúc nầy là lúc Thiên-đàng mở cửa. Nhưng mà chưa thấy ai vào đường chánh nầy, đi cho cùng tột đặng trở lại đìu-dắt người đại-căn. Mà lại thấy bàng môn tác loạn càng ngày càng lộng: sợ cho những người đại-căn chưa gặp mỗi Đạo, chưa hiểu lý đạo mà làm, rồi biết chừng nào hồi đầu cho đặng, thì luống công vô ích. Rồi ngàn sanh muôn kiếp biết có tái lại đặng chẳng.

Tôi luận bài nầy chẳng cố ý kích-bác việc người tu, vì sự tu hành có nhiều bậc: hạ thừa, trung thừa, thượng thừa, tối thượng nhưt thừa. Chủ ý mở đường chánh đạo mà đìu dắt kẻ tu bậc tối thượng mà thôi, còn ai tu theo ba bậc dưới thì tôi không dám nói đến, vì mỗi người tự do tùy theo sở thích của mình. Giác tử như đi trong đường tăm tối, tôi may được một cây đuốc, mau mau đốt lên đặng có chỉ nẻo tắt cho người đồng chí noi theo lần đường. Ai có căn lành đầy đủ đức hạnh thì chắc gặp đàng chánh nầy. Bằng ai thiếu phước khó mà gặp đặng.

Ai còn ưa mền đường nhơn tục, thì lo công danh phú quý, lo cho nhơn quần xã-hội. Ai dứt đặng nhơn tục thì vào đàng thiên-lý, tìm chơn-sư chỉ cách thức luyện huệ-

mạng của mình đặng hóa ra tiên-thiên-khí hiệp với khí tiên-thiên của trời thì về cõi thánh đượ. Ngũ sắc tường-vân hay là tiên-thiên-khí do bởi cái chơn tinh của con người mà luyện ra, thì là nhờ cái xác phàm của ta mà lọc ra đó. Lọc cái linh hồn là đừng cho nhiễm tình phàm (sentiments humains) tới giờ hư cực tịnh đốc (arriver au calme absolu) thì máy thiên-cơ phát động; kêu là nhưt dương sơ động. Phải lập danh an lư mà lấy thuốc đặng nấu luyện. Luyện một trăm ngày gọi là **bá nhưt trúc-cơ**. Phấn lão hườn đồng, cũng như mình trở lại trẻ trong lúc 15, 16 tuổi vậy, "**Lậu tận thông thành**". Chứng quả nhơn tiên. Gọi là luyện tiểu-châu-thiên. Ngoại thân thực vô; hết đường dâm dục. Ấy là **tinh mẫn bất tư dâm**. Phải tịnh công bảy ngày, cho khí tiên-thiên tụ lại hóa thành hỏa châu, rồi lấy hỏa châu ấy đem vô huỳnh-đình là chỗ kết thánh thai, mà luyện âm-thần hóa ra dương-thần. Ấy là chiết khảm điền ly: ly khảm trở lại càn khôn. Lạc-thơ phản lại Hà-đồ. Bậc nầy chứng quả **địa-tiên**. – Nhơn-tiên, địa-tiên hình thể còn trọng trực, bất ly ư địa, bất ly ư nhơn. Phải nhập định như kê bảo noãn, như miêu bộ thử, như long dưỡng châu. Ngày đêm thường vậy chẳng ly thời khắc. Tới lúc sáu bảy tháng hết thở hậu thiên khí, thì hết ăn: ấy là **khí mẫn bất tư thực**. Đại định tới chín mười tháng thì hết ngủ: ấy là **thần mẫn bất tư thỏ**. Âm-thần hóa lại dương-thần. Đến lúc mười tháng gọi là thập ngoạt thai-hườn để tiên-tử, phật-tử. Chứng quả **thần-tiên**. Biết việc quá khứ vị lai hiện tại. Điều thần xuất-xác, rồi chẳng nên ham dạo chơi nơi viễn cảnh, sợ lạc khôn-mẫu mà phải chứng tiêu quả, thiệt hại cho người tu. Xuất thiếu nhập đa.

Chờ nhũ-bộ tam niên, dương-thần tráng kiện thì mới vô hại, muốn đi đâu cũng đặng, mặc ý. Ngao du bắc cực, biến hóa vô cùng, thần thông quảng đại. Chứng quả **Thiên-Tiên**. Chừng ấy muốn ở lại trần-thế bồi công lập đức, cứu dân thủy hỏa, tế thế an bang bao lâu cũng được. – Còn không muốn lo việc trần thế nữa, thì vào danh sơn động phủ, nhập đại định thêm chín năm đặng luyện hư hườn vô, luyện cho đến hư-hư vô-vô. Thì được chứng quả Đại-giác kim-tiên là Phật.

Tôi luận sơ đặng chỉ việc đại khái tu luyện cho rõ nguồn chánh Đạo, chớ muốn cho thông hiểu tận tột thì phải khán đơn-kinh; trong kinh ấy Tiên Phật chỉ đành rành chớ chẳng dấu ai. Kẻ nào vọng ngữ rằng: “nói lậu thiên-cơ thì bị thiên khiển lôi tru” là nói điều phi lý. Máy người nói vậy là lòng còn tư kỷ, sợ kẻ đại-căn biết lý đạo rồi có hơn mình chẳng. Thì mình là kẻ tu hạ thừa, ai mà tôn trọng mình nữa. Miệng nói độ người về cõi Thánh, ham đi phở độ, dạy bậc hạ thừa làm sao mà độ về trời cho đặng. Rất uổng công tu, mà vạ kiếp bất đắc kiến tánh. Nói tắt một điều, muốn tu cho về cõi Thánh đặng thì bỏ tình phàm, làm như thể trời đất vô tình, thì vào đường thiên-lý mới đặng. Xét cho cùng lý: Trời đất không già là Trời đất **vô tình** mà động tịnh, nên không hao mòn tam bửu; còn con người **hữu tình** động tịnh, nên lần lần hao mòn tam bửu mà phải thác. Vậy có bài của ông Đạt-Ma xuống cơ như vậy:

Đạo tâm khai tại diệt phàm tâm,
 Chúng đặng y ngôn, vật ngoại tâm
 Luyện đắc linh-đơn thiên tài thọ,

Thành Tiên thành Phật qui thần khâm
 Saigon, le 1^{er} Janvier 1923
Văn-Võ đạo nhơn.

THÁI-THƯỢNG TỔ SƯ NHỰT DỤNG CHƠN KINH

Phù nhựt dụng giả, ẩm thực tắc định.
 Cầm khẩu đoan tọa, mặc khởi nhứt niệm.
 Tồn thần định ý, khẩu thần tương niệm.
 Xi nha tương trú, nhãn bất thị vật,
 Nhĩ bất thính thính, nhứt tâm nội thủ,
 Điều tức miệng miệng, tiêm tiêm hô xuất,
 Mặc giáo gián đoạn, di hữu như vô.
 Tự nhiên tâm hỏa hạ giáng, thận thủy thượng thăng.
 Khẩu lý tân sanh linh chơn phụ thể,
 Đắc chí trường sanh chi lộ dã.

TẠI GIA THÀNH ĐẠO

Đức Lão-Tử nói rằng: Phàm sự tu hành thì lấy sự đức hạnh làm sự thật. Nếu hủy hoại cái thân thể mà nói rằng tu là sự giả.

Nay những kẻ cầu Tiên Phật chỉ lo trốn đời tránh người, nói rằng có thân gia, có thể tử, có nhơn sự đều hay hại người, bởi có ấy mà chẳng hay thành Tiên thành Phật, nên phải tránh người trốn đời mới rằng tu.

Thiệt kẻ ấy chẳng biết đạo Tiên đạo Phật là bất ly thân tâm. (Chẳng lìa cái thân với cái tâm). Quả hay chánh tâm tu thân, thì có nhà khá ở, có vợ con khá vui, có nhơn sự

khá tu luyện. Cho nên tại gia cũng đặng thành Thánh thành Tiên thành Phật, hà tất phải bỏ chỗ thậm tiện, mà làm chỗ bất tiện ấy vậy.

Ông Bạch-tân lão-nhơn kết luận rằng: Nói xuất gia có thể thành Tiên thành Phật, hoặc có người tin. Nói tại gia có thể thành Tiên thành Phật, thì chẳng ai tin cả. Là có làm sao? Là bởi vì người chưa thật rõ cái đạo, chưa thật tốt cái lý. Cho nên tưởng rằng Tiên Phật phải xuất gia mới thành đạo, Thánh nhơn cũng phải xuất gia mới thành Thánh nhơn.

Người đời sao trú tướng chi lắm vậy!

---oOo---

QUAN-ÂM TÂM-KINH BÍ GIẢI

---oOo---

Ma ha bát nhã ba la mật đa tâm kinh

MA HA nghĩa là quãng đại (rộng lớn). Nói đạo là rộng lớn, **ba la thiên địa** (bao trùm trời đất) **dưỡng dục quần sanh** (nuôi nấng bầy sống, người cùng cầm thú).

BÁT NHÃ nghĩa là trí huệ, quang minh (minh mẫn sáng láng).

BA LA = bi ngạn (bờ kia). Nói đạo hay độ người **siêu xuất khổ hải**, mà đến bờ kia (là thành Phật).

MẬT ĐA = là **mật chi chủng chủng** (các thứ mật). Tỷ như các thứ mật hiệp lại thành một tánh. Tức là khi lấy đặng thuốc, cảnh tượng của **vạn pháp qui nhứt** (muôn phép về một) đặng bày cái ý **phản hườn vô cực** (trở lại chỗ vô cực) vậy.

TÂM = là **nhơn chi bản nguyên** (nguồn cội con người). Nói cái phép **khẩu truyền tâm thọ**, là cốt ở nơi trên cái tâm mà dụng công.

KINH = là **kinh dã** (đường tắt) kinh tỷ như con đường tắt, để dò theo mà **phản bản hườn nguyên**.

Mười chữ **Ma ha bát nhã ba la mật đa tâm kinh** là trọn cái đề mục (cái vấn đề, cái mục đích) của kinh này, nên trước tóm nói cái đại khái của kinh vậy.

Quan tự tại bồ tát

QUAN nghĩa là hồi quan (ngó vào chỗ huyền quan) đặng mà giữ cái đạo.

TỰ TẠI BỒ TÁT nghĩa là tự gia chu nhơn công (tức là ông chủ nhơn của cái phàm thân). Quan tự tại bồ tát nghĩa là dòm vào chỗ huyền quan mà định ông chủ nhơn. Nuôi thân thì phải thâm cái phóng tâm của mình. (Đạo gia gọi: Bá nhứt trúc cơ, là cái thời kỳ này đây).

HÀNH nghĩa là tịnh tâm định ý xong xả, rồi mới hạ thủ dụng công.

THÂM = là Tâm hỏa hạ giáng ư hải đế (hạ thủ là đem cái tâm hỏa xuống tới đáy biển) đặng mà thể **luyện tiên thiên chi chơn kim**, luyện lấy cái chơn kim của tiên-thiên. Giữ định vậy lâu lâu, thì tam muội hỏa là: quân hỏa, thần hỏa, dân hỏa nhóm lại mà nung đúc cái chơn-kim ở trong khảm-cung.

BÁT NHÃ BA LA: Bát nhã là trí huệ. Ba la là bỉ ngạn. Nói lấy đặng cái chơn dương (tức là chơn kim) đem lên trên, thì **phát xuất quang minh trí huệ** (minh mẫn sáng láng). Ở hậu thiên trở lại tiên thiên gọi là đảo bỉ ngạn.

MẬT ĐA = là **đắc dược chi diệu cảnh**. Là cái cảnh huyền diệu đặng tiêu dược. Các tánh gồm về một tánh tức là **vạn pháp triều tông, vạn thù qui ư nhứt bản**.

THỜI = là Chánh kiến chi thời (cái giờ thấy rõ). Nói giờ này là giờ **nhứt dương lai phục** (Đạo gia gọi là **nhứt dương sơ động**) rồi đến lúc dược vật lên trên đơn đánh vậy.

Chiếu kiến ngũ uẩn giai không.

UẨN = là tàng dã, chủng dã là cái giống ở ẩn.

NGŨ UẨN = là **sắc thọ tưởng hành thức**. Uẩn sắc là nghĩa lưu luyện cách trở. Uẩn thọ là nghĩa lãnh nạp, chịu dùng. Uẩn tưởng là nghĩa lo lường. Uẩn hành là nghĩa niệm tưởng chẳng dứt. Uẩn thức là nghĩa biện biệt gần xa xấu tốt.

Ấy là nói cái chơn-kim trở về chỗ sơ-tánh. Hễ gọi là hườn đơn thì là lúc tán hỏa, phải **hồi quang phản chiếu**, đặng kiếm cho thấy cái **bổn lai diện mục**, là cái chơn-tánh của ta.

Giờ này chơn dương, lên soi ngũ uẩn. Cả thấy các âm khí tà khí tiêu hết chẳng còn. Trong lòng tự nhiên không không trống trống, nên các giống uẩn đều chẳng thấy vậy.

Độ nhứt thiết khổ ách.

Nói con người chẳng biết phản bổn hườn nguyên thì bị âm khí ngăn trở, những quan khiêu của châu thân chẳng thông, khí chơn-dương chẳng lên trên đặng, cho nên còn cái khổ ách đọa lạc.

Bằng nay các quan khiêu đã thông, khí chơn-dương được lên trên, như một mũi tên bắn thủng trống sắt, đi thấu qua tam quan cửu khiêu (ba cửa chín lỗ) thì chẳng còn bị âm sơn âm khí cách trở mà chịu khổ ách nữa. Cho nên gọi là độ **nhứt thiết khổ ách** vậy.

Xá lợi tử.

Nói nhơn thân tức là **trạch xá** (nhà cửa). **Lợi tử** là kẻ chủ trương của nhơn thân. **Lợi tử** là cái chơn-linh, chơn tánh đó vậy.

Hễ đặng âm dương giao cấu mà kết thành kim đơn xá-lợi-tử, thì cũng như người đã hoài thai (thọ thai), tựa hồ có tượng anh-nhi trong mình vậy. (Chỗ này Đạo-gia gọi là **thập nguyệt hoài thai**. Nghĩa là phải dưỡng thánh-thai ít nữa là 10 tháng rồi mới có sản xuất anh-nhi).

Sắc bất dị không.

SẮC = là sắc thân, là cái phàm thân của ta. Hễ đượ vào trong cảnh yếu minh, thì **vạn duyên tịch tịnh** (muôn việc đều yên lặng), một vật trần cũng không còn nhiễm đến lòng, thân thể dường như ngồi trong khí thái hư, nên nói rằng: **sắc bất dị không**.

Không bất dị sắc.

KHÔNG = nghĩa là cái pháp thân. Cái pháp thân thì không tướng tượng chi cả. Cái tướng mà không tướng kêu là pháp thân.

Hễ đặng thánh-thai kết tụ hình thể, lộng-lộng thăm-thăm, thì cái tánh Di-đà của ta hay là ông chủ-nhơn của ta dụng sự (lãnh phần việc). Cái pháp tướng vợi vợi, nên nói rằng **không bất dị sắc** vậy.

Sắc tức thị không.

Đây nói cái công phu ôn dưỡng thánh-thai. Cái sắc thân với cái pháp thân hiệp làm một vốc. Vô nhơn vô ngã (không biết có người mà cũng không biết có ta), lộn-lộn, lạo-lạo. Có một mình cái chơn không diệu tánh làm chủ mà thôi. Cái sắc-thân không còn lo đến điều chi cả. Đến cái diệu cảnh này, thì cái sắc thân tức là cái pháp thân, có gì chẳng không, nên nói: **sắc tức thị không**.

Không tức thị sắc.

Tiên-thiên hậu-thiên đập lại làm một, dày-dày nhạt nhạt, hỗn vầy một khối, thì cái hà-xa tự nhiên chuyển động, đục bải bất năng (muốn thôi cũng chẳng đặng). Trong chỗ không lại càng thêm cái không, tiên hậu thiên hiệp thành một vốc, thì cái chơn-không-diệu-tánh làm chủ sự, cái pháp thân cũng tức là cái sắc thân.

Tóm luận: thì lúc này là lúc kết đơn ôn dưỡng, tiên-thiên hậu-thiên một khí vầy lại, người cùng ta đều không không, âm dương hội hiệp, diệu dung vô biên (sự huyền diệu dùng không ngần). Cái sắc thân tức là cái pháp thân, mà cái pháp thân cũng tức là cái sắc thân. Cho nên nói: **sắc tức thị không, không tức thị sắc** vậy.

Thọ tướng hành thức diệt phục như thị.

Ấy là công phu lúc hỗn-độn. Lúc này thì ngộ cảnh vô tâm (gặp cảnh gì cũng làm lơ, đừng lưu tâm đến) đối vật

vong tình (thấy người thân thiết thì đừng còn tình thân thiết) kiến như bất kiến (thấy như chẳng thấy). Hành như vị hành (đi như chưa đi). Thức như bất thức (biết như chẳng biết). Thọ như vị thọ (lãnh vật chi cũng như chưa lãnh). Tuy đến mấy cái cảnh **thọ tướng hành thức**, mà cái chơn-không diệu tánh của ta cũng tự nhiên vọi-vọi chẳng động, **diệt phục như thị**, (cũng lại dường ấy) là không không lộng lộng, các cảnh ở ngoài đời chẳng hay cảm động mà khuấy rối cái chơn tánh chủ nhơn của ta vậy. Chỗ này gọi là: Trước ảnh tảo giai trần bất khởi, nguyệt xiêng đàm để thủy vô lang. Nghĩa là: Bóng tre quét gạch bụi không dậy, trăng vọi đáy chằm nước chẳng xao.

Xá lợi tử thị chư pháp không tướng.

Trước nói **xá lợi tử** là chỉ cái công phu kết kim-đơn, dưỡng thánh thai.

Đây nói **xá lợi tử** là chỉ lúc thoát thai xuất thần (Đạo gia gọi tam niên nhũ bộ là thời kỳ này).

Khi hoài thai đủ 10 tháng rồi, hễ nghe một tiếng sấm nơi đánh-môn, thì anh-nhi xuất hiện (tới ngày sanh tháng đẻ, đạo gia gọi là xuất dương thân). Hễ anh-nhi xuất hiện, thì mong trở về nhà. Giờ này chư pháp chư tướng đều phải không cả.

Vả chẳng công phu đến lúc xuất thần, thì phải lo ôn-dưỡng nhũ bộ (nuôi cho ấm, cho bú mớm) thủy thăng hỏa giáng, thì phải nghe theo cái phép tự nhiên chẳng khá chấp định cái phép dục-thúc hồi-hả, cho nên nói **không pháp**.

Anh-nhi mới đẻ ra, phải tùy xuất tùy nhập, chẳng khá tham ngoạn mỹ cảnh, chẳng khá rộn trứ hình tượng. Bởi cái dương-thần (anh nhi sản xuất gọi là dương thân) chưa được cứng cáp, chưa có thể đi vững. Nếu ơ-hờ trứ tướng, thì hồng mắt, tướng có cũng như không, nên nói là **không tướng**.

Bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh.

Ấy là cái thời kỳ dương-thần diện bích, là cái công phu luyện thần hườn hư. Thân ngoại hữu thân (ngoài cái phàm thân có cái pháp thân). Cái pháp thân là hư-linh pháp tướng, **thì đâu còn sanh diệt** (sống thác).

Ấy là một vàng kim quang, diệu tướng như như, trong sạch không nhiễm chi cả, thì đâu còn **cấu tịnh** (bụi-bặm, sạch-sẽ).

Bất tăng bất giảm thị cố không trung.

Đây nói cái cảnh diện bích hỗn độn, tượng như một hồi ở trong thái-hư, thì có gì **tăng** (là thêm), có gì **giảm** (là bớt).

Cái **không** của chơn-không pháp-thân đã đến tột chỗ không rồi, tan ra thì thành khí, tụ lại thì thành hình, không chi lưu-luyến, không chi trở ngại. Cho nên cái pháp-thân ở chôn **không-trung** được lạng lẽ. Ở chôn không-trung chẳng có vật chi, nên sự sáng khắp tự nhiên, như ngồi trong chôn thái-hư. Ấy là cái diệu cảnh của phép **hườn-hư** vậy.

Vô sắc vô thọ tướng hành thức.

Trước nói: Thọ tướng hành thức, diệt phục như thị, là nói cái cảnh không tướng không tâm.

Đây nói: Vô sắc vô thọ tướng hành thức, là luận đến cái cảnh giới **hườn-vô**. Ngũ uẩn tra tẻ (năm giống cặn cẩu) đều tiêu hết, nên gọi là **vô sắc vô thọ tướng hành thức**.

Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý.

Đây nói lục căn đã không. Tuy có **nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý**, là cái vóc của lục căn, mà cái thần của lục căn đều về trong một tánh, tròn sáng chẳng tan, hỗn lại một khối.

Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý trọn chẳng lo việc gì, có lục căn cũng như không lục căn, nên nói: **vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý**.

Vô sắc thanh hương vị xúc pháp.

Đây nói lục căn đã không, lục trần (**sắc thanh hương vị xúc pháp**) cũng dứt, thì đã nên cái vóc viên minh thanh tịnh (tròn sáng trong sạch) trống không chẳng trừ vật chi. Đã chẳng trừ vật chi, cũng chẳng lãnh vật chi, thân thể như không, muôn phép đều không, nên nói: **vô sắc thanh hương vị xúc pháp**.

Vô sắc là mắt chẳng tham xem. **Vô thanh** là tai chẳng tham nghe. **Vô hương** là mũi chẳng tham ngửi. **Vô vị** là miệng chẳng tham ăn. **Vô xúc** là lòng chẳng động. **Vô pháp** là ý chẳng dấy. Cho nên trước gọi lục căn thanh tịnh, còn đây thì gọi lục trần bất nhiễm vậy.

Vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới.

Đây nói là công phu đã đến cái cảnh đại định, thần quang thấu hết (vô nhãn). Thần quang đã thấu, thì có mắt mà chẳng thấy, bộ như không hay không biết chi hết vậy. Cái **vô** đã đến tột chỗ **vô**, thì trở lại chỗ mẹ sanh khi xưa, tịch nhiên bất động (lặng vậy chẳng động) nên mới đến cái cảnh giới **vô ý thức**.

Vô vô minh, diệt vô vô minh tận.

Trước nói **vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp**. Lục căn đã không, lục trần cũng dứt. Thần quang ý thức, hết thấy đều thấu giấu vào trong cái giác tánh viên minh, mà vậy nên một vóc. Có một không hai. Hễ lục căn đều chẳng lo đến việc chi hết, ấy là cái cách phản hườn vô cực. (Trở về chỗ vô cực).

Vô vô minh nghĩa là đương lúc ấy cái tướng chơn không huyền diệu, sáng ngời tỏ rạng, hay soi khắp thập phương tam giới, không chỗ nào chẳng sáng, nên nói: **vô vô minh**.

Diệt vô vô minh tận nghĩa là sáng đến tột chỗ, xưa cũng như nay, trọn không có ngày cuối cùng vậy, cho nên gọi rằng: **diệt vô vô minh tận**.

Nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận.

Nãi chí vô lão tử là nói: đã luyện thành cái chơn không pháp thân (dương thân) rồi, thì vào nước chẳng đắm, vào lửa chẳng cháy, lịch kiếp bất hoại, (đời đời chẳng hư) vạn

cổ trường tồn (muôn xưa vẫn còn) thì có đầu già thác đặng, nên gọi rằng: **vô lão tử**.

Diệt vô lão tử tận là nói công trình đã đến địa vị Đại-giác kim-tiên, chỉ thiết có tích công lụy đức, mà đãi chiếu phi thăng (chờ chiếu trên Thiên-đỉnh triệu mà về) hưởng thiên phước đời đời, muôn kiếp cũng như ngày nay. Trời đất có hư mà ta chẳng hư, thì đâu có cái ngày cuối cùng phải già thác vậy, nên nói: **diệt vô lão tử tận**.

Vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệt vô đắc

Từ đoạn này về sau, thì luận về cái cảnh giới liễu thủ của phép luyện kim đơn. (Liễu thủ là luyện đạo hoàn toàn vậy).

Trước nói: đã không có ngày cuối cùng già thác, là vì cái tự tánh như-như (là cái tánh tự nhiên như lai) trạm nhiên thường tịch (yên vậy thường lặng) lúc này đã hết khổ-hạnh, hầu muốn trở về thiên-cung, thì đâu còn cái khổ trầm luân, nên nói: **vô khổ**.

TẬP nghĩa là nhóm. Như nay vạn pháp qui nguyên (muôn phép đã về nguồn). Sự quả báo của cái thân ta đã trả xong, lại chẳng còn phải hội-hiệp tam bửu (tinh khí thần) chẳng còn phải gom tiên-thiên tinh, thêm tiên-thiên khí nữa, nên nói: **vô tập**.

DIỆT nghĩa là (dứt) rồi. Như nay cái rồi (liễu thủ) đã đến tột chỗ, không còn rồi đâu nữa đặng, lại chẳng cần trừ cho dứt những sự tạp niệm, đặng quét cho sạch âm khí nữa, nên rằng: **vô diệt**.

ĐẠO là cái phép để độ chúng sanh, đạo là đường đi. Nay tu đã tột địa vị, không còn tu vào đâu nữa đặng,

không còn pháp độ nào phải giữ nữa, không còn đường-sá nào phải đi nữa, nên rằng: **vô đạo**.

TRÍ nghĩa là tri. Tri nghĩa là biết. Đến cái cảnh giới này, phạm những việc quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, chẳng việc nào chẳng biết. Cái biết đã đến tột chỗ rồi; mà hễ **đại trí nhược ngu** (kẻ có trí lớn thì bộ như kẻ ngu). Lộn vậy coi như không biết chi cả, nên rằng: **vô trí**.

DIỆT VÔ ĐẮC nghĩa là nay thành một cái chơn tánh tròn sáng, vóc như tượng thái-hư, chẳng trú vật, chẳng chịu vật. Đại-đạo thành thì muôn việc đều xong, lại còn gì đâu mà đặng nữa, nên rằng: **diệt vô đắc**.

Dĩ vô sở đắc cố, bồ đề tát đã.

DĨ nghĩa là nhân vì. Nhân vì cái vóc chơn-không liễu đặng rồi, nên chẳng cần thọ nạp vật chi, cái đặng không chỗ khá đặng nữa vậy. Nhưng cái đặng không chỗ khá đặng nữa chánh nghĩa là không chỗ nào mà chẳng đặng. Cũng như chón vô-cực, tuy một vật chi cũng không, mà bao hàm muôn cái có vậy.

CỐ nghĩa là duyên có, là nhân vì cái có không chỗ đặng vậy.

BỒ nghĩa là giác ngộ (biết đặng).

ĐỀ nghĩa là thượng thăng (lên trên)

TÁT nghĩa là cái cảnh của một cái tánh viên minh (tròn sáng).

ĐÃ nghĩa là quả thật cái tượng thành công, thành đạo.

Nói tu hành đến cái địa bộ này, thì cái nhơn cái pháp đều liễu đặng cái không. Cái nhơn (nhơn thân), cái pháp (pháp tướng) đã liễu cái không rồi, thì là thành một vị viên-minh

diệu-giác, tức là Phật Bồ-Tát vậy, cho nên nói rằng: **bồ đề tát đã.**

Y bát nhã ba la mật đa cố.

CỐ nghĩa là phép tắc. Nói tuân y phép tắc tu hành rồi, mới phát trí huệ quang minh đặng, có thần thông biến hóa, thì mới đến bờ kia, mà trở về vô-cực, cùng cái không khí thái hư hỗn làm một vốc vậy.

Tâm vô khoái ngại.

KHOÁI nghĩa là lưu-luẩn.

NGẠI nghĩa là trở-cách.

Đến cảnh giới này, thì cái tâm sánh với thái hư, chẳng trứ vật chi cả, xôi-xôi, đội-đội, thì có cái gì lưu luẩn trở ngại đặng, cho nên nói rằng: **tâm vô khoái ngại.**

Vô khoái ngại.

Đã tu hành kim quang pháp thân chiếu sáng, tròn vìn đồ chói, tung hoành tự nhiên theo ý, chí hư chí linh, thì trọn không mảy múng gì khoái ngại, tuy ở chốn nhơn gian, thiệt cũng như ở cõi thiên-đàng.

Cố vô hữu khủng bố.

Đã đến cái cảnh vô khoái ngại rồi, trời đất chẳng hay câu thúc, âm dương chẳng hay đào chú (canh cải) quỷ thần chẳng hay lén lờng, lên trời xuống đất đều do sự phương tiện của ta, thì có đâu phải kinh-khủng sợ-sệt đến nỗi

nhiều loạn vị chủ nhơn của ta, nên nói: **cố vô hữu khủng bố.**

Viễn ly điên đảo mộng tưởng

VIỄN nghĩa là lâu-dài

LY nghĩa là lia thoát

ĐIÊN nghĩa là nguy hiểm

ĐẢO nghĩa là thất bại

MỘNG nghĩa là ảo ảnh.

TUỞNG nghĩa là tư lự.

Nói tu hành đến cái cảnh giới này thì vị chủ nhơn của ta vọi-vọi chẳng động, cái chơn-tánh rờ-rở sáng tròn, cái tâm an cái thần lặng, cái vốc hiệp tiên thiên hết thấy những sự lo lường về việc hung-dữ nguy-hiểm nên hư, về việc hỉ nộ ai lạc, mộng mỵ ảo cảnh đều lìa thoát trong sạch luôn luôn, nên nói: **viễn ly điên đảo mộng tưởng.**

Cứu cảnh Niết-bàn

NIẾT nghĩa là bất sanh. Cõi này sống hoài, khỏi phải hạ sanh xuống phàm.

BÀN nghĩa là bất diệt. Không hạ sanh xuống thế gian, thì đâu có thác.

CỨU CẢNH nghĩa là cùng tột. Nói nay đã đến cái cảnh cùng tột, thì đã vào cái cõi bất sanh bất diệt mà chứng cái quả-vị liên-đài (ngồi tòa sen) đời đời kiếp kiếp vậy.

Tam thế chư Phật.

TAM THẾ nghĩa là ba đời: một đời quá-khứ, một đời hiện-tại, một đời vị-lai.

CHƯ nghĩa là chúng (đồng).

PHẬT nghĩa là những bậc đã tu luyện được cái vóc kim-cang bất hoại (vàng cứng chẳng hư), mà lại còn nguyện lực hoằng thâm, ấy là bậc từ bi độ thế.

Y bát nhã ba la mật đa cố.

Nói tu y theo phép **bát nhã ba la mật đa** mà thành đạo, là chẳng phải riêng một mình vị bồ-tát làm vậy, mà tam thế chư Phật đều phải y theo phép tắc ấy mà dụng công, cần tu khổ hạnh mới thành đạo vậy.

Đắc a-nậu đa-la tam diệu tam bồ đề.

A-NẬU là cái xường (cái nhà) luyện đơn.

ĐA-LA nghĩa là chúng bửu tụ hội (các báu nhóm hiệp).

TAM DIỆU là tam huê.

TAM BỒ ĐỀ là ngươn tinh, ngươn khí, ngươn thần, tam bửu vậy.

Nói tam thế chư Phật đều phải nương theo cái phép **bát-nhã ba-la mật-đa** này mà tu hành mới đặng chúng bửu tụ hội trong cái xường luyện đơn. Cái chơn hỏa đúc rền, thì tam huê mới xuất hiện, nhóm nơi đánh môn, tam bửu mới kết thành thử mẽ huyền châu, diệu giác linh minh, mới chứng vào cõi Thanh-lương Cực-lạc-thiên đời đời kiếp kiếp.

Cố tri bát nhã ba la mật đa.

CỐ là sở dĩ (chỗ do).

TRI là hiểu đắc (biết đặng, hiểu đặng).

Nói nhân đó mới hiểu đặng rằng: Cái công phu bát-nhã quang-minh, chơn dương lên trên, mà thông đến huyền quan bỉ ngạn, là có một không hai, đã đến chỗ chí cực, nên không lấy chi thêm vô nữa đặng.

Thị đại thần chú.

THẦN nghĩa là linh ứng cảm thông, huyền diệu mạc trắc.

CHÚ nghĩa là cái vô cực huyền quan ở trong mình người, cũng còn kêu là tổng-trì pháp môn.

Nhân đó mới hiểu đặng rằng: cái phép bát-nhã ba-la mật-đa thiết là cái đại pháp môn, thần-thông quảng đại, biến hóa vô cùng, hay độ tận thiện-nam tín-nữ trong thiên hạ vậy.

Thị đại minh chú.

Nhân đó mới hiểu đặng rằng: cái bát-nhã ba-la mật-đa, sáng-láng tỏ-rõ, hay soi thấu tam giới (thượng giới, trung giới, hạ giới) thập phương (thập phương địa ngục) thiết là cái đại pháp môn cả sáng cả tỏ.

Thị vô thượng chú.

Nhân đó mới hiểu đặng rằng: cái bát-nhã ba-la mật-đa là cái pháp môn tối cao đệ nhất, không có cái nào cao hơn ở trên cái pháp môn này.

Thị vô đẳng đẳng chú.

Nhân đó mới hiểu đẳng rằng: cái bát-nhã ba-la mật-đa là tối cao đệ nhất. Chẳng những không có cái nào cao hơn ở trên pháp môn này, mà nếu muốn cùng pháp-môn này so-sánh bậc bình đẳng (nghĩa là đứng bằng với nhau) cũng không có vậy.

Năng trừ nhứt thiết khổ.

Hết thấy những sự khổ não của chúng sanh đều nhân vì chúng sanh mê-muội chẳng biết tu, chẳng biết cái thần chú pháp môn này, cho nên cứ lưu lãng sanh tử (sanh sanh tử tử) lên lên xuống xuống chịu hết thấy chư bang khổ sở.

Như nay mình lên pháp giới (chứng quả liên đài) mới thấy đẳng cái thần chú bát-nhã ba-la mật-đa là cái pháp môn quảng-đại, hay trừ hết không cùng những sự khổ sở, hay đoạn tuyệt không cùng những điều phiền não vậy.

Chơn thiệt bất hư.

Cái pháp môn vô cực vô thượng này hay độ hết chúng sanh thành Phật, trừ cả thấy điều khổ-sở, tự mình thấy tự mình đẳng, vốn là cái pháp-ngữ chơn thật, chẳng phải lời nói huê mỹ trống trơn.

Cổ thuyết bát-nhã ba-la mật-đa chú.

Tu hành đến đây bản thân mình thấy đẳng cái công hiệu của cái pháp môn **bát-nhã thần chú** là rất lớn không chi

so sánh đặng, nên mới nói cái pháp chú kệ ngữ **bát-nhã ba-la mật-đa** ra để phát minh cho người sau.

Tức thuyết chú viết:

Cái huyền diệu kệ-ngữ này thiên Phật bất cảm khinh tiết (ngàn ông Phật chẳng dám dễ-duôi tiết lậu) vạn tổ bất cảm loạn ngữ (muôn ông Tổ chẳng dám nói bôn lộ ra) mà nay nói ra thì cái nguyên-lực của Bồ-tát thiệt rộng sâu, cái lòng phổ độ quần sanh thiệt rất chí thiết vậy.

Yết đế yết đế.

YẾT nghĩa là đã khai, (đánh phá cho mở ra)

ĐẾ nghĩa là diệu đề. Diệu đề là cái cán của ngôi huyền-quan, cái xu nự (môi gút) của nhơn thân.

Đánh phá cho cái huyền quan không còn xiềng-cột chặt lại nữa, thì cái **càn ngươn diện mục** mới xuất hiện đặng, khoái lạc không cùng. Lập nói hai lần tiếng **yết đế**, là vả chẳng cái diệu đề huyền quan đã chơn thật mà lại cứ chơn-thật hoài, là vì con người nên căn dặn vậy.

Ba la yết đế.

Đây nói cái pháp môn huyền quan, tức là cái diệu đề để dắt con người đến bờ kia (tu luyện thành đạo là ở hậu-thiên trở lại thiên-tiên. Trở lại thiên trên gọi là đáo bí ngạn. Trước có giải rồi).

Phá mở nói ra là chỉ mong hết thấy chúng sanh, người người đều được nhờ đó mà độ thoát khổ hải đặng lên đến bờ kia vậy.

Ba la tăng yết đế.

TĂNG nghĩa là tịnh.

Đây nói cái pháp môn huyền quan, tức là đảo bĩ ngạn, dùng cái diệu đề chứng về tịnh độ gia hương (cõi tịnh độ là quê hương của ta).

Phá mở nói rõ ra, là chỉ mong cho người người làm theo tu luyện, đặng trở về Tây-phương tịnh-độ cho khỏi cái khổ luân hồi.

Bồ đề tát bà ha.

BỒ-ĐỀ nghĩa là giác ngộ, là rõ cái tánh tròn sáng đã đến cái cảnh chơn-không. Cái linh quang thông khắp trời đất. Cái pháp thân dường như khí thái hư.

TÁT BÀ HA là hết thấy chúng sanh mau mau thành tựu. Nói tu luyện đến cái địa vị này, công trình viên mãn, thì lên châu **Chư Thiên**. Rồi phải tức-tức đi thuyết pháp mà độ chúng sanh, cho hết thấy chúng sanh được thành tựu, vượt ra ba cõi, đồng về Thanh-lương mỹ-cảnh, vĩnh chúng Cực-lạc gia hương, thọ hưởng bất tận, khoái lạc vô cùng.

*** CHUNG ***

Nhà in **BÙI-VĂN-NHÃN** :- Bentré

---oOo---

*Chúng tôi nhận được bản soft copy “**Quan Âm Tâm Kinh Bí Giải**” là nhờ cô Ngô Mỹ Hạnh ở Biên Hòa đã bỏ công copy và gửi cho chúng tôi. Nhận thấy giá trị quý báu của quyển Kinh, chúng tôi phát nguyện đánh lại vào máy vi tính để có thể đưa lên mạng phân phát cho mọi người cùng đọc và tìm hiểu.*

Vì đánh máy lại nên e rằng không tránh khỏi được những lỗi lầm. Xin quý vị độc giả niệm tình tha thứ và đồng thời xin chỉ bảo những chỗ sai lầm để chúng tôi có thể sửa chữa và bổ túc.

Xin chân thành cảm tạ,

Viễn Lưu, July/09/2016.

Email: vienluutd@yahoo.com